

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**QUYẾT ĐỊNH số 78/2000/QĐ-UBCK**  
**ngày 29/12/2000 về việc sửa đổi,**  
**bổ sung một số điều trong Quy chế**  
**về tổ chức và hoạt động của công**  
**ty chứng khoán ban hành kèm theo**  
**Quyết định số 04/1998/QĐ-UBCK3**  
**ngày 13/10/1998 của Chủ tịch Ủy**  
**ban Chứng khoán Nhà nước.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN**  
**NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 04/1998/QĐ-UBCK3 ngày 13 tháng 10 năm 1998 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

**1. Bổ sung khoản 6, 7 Điều 2 như sau:**

6. Bản sao hợp lệ là bản sao có xác nhận của cơ quan công chứng Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ các tài liệu, có nội dung đúng và đủ theo quy định của pháp luật.

**2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 5.**

**3. Sửa đổi điểm b, d, e và f khoản 1 Điều 6 như sau:**

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần chứng khoán, thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán có từ hai thành viên trở lên hoặc quyết định giao vốn của tổ chức chủ sở hữu (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán một thành viên);

d) Lý lịch tóm tắt của những người sau:

- Các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần chứng khoán;

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán một thành viên;

- Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán có từ hai thành viên trở lên;

- Các thành viên trong Ban kiểm soát (nếu có);

- Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty.

e) Danh sách thành viên Ban giám đốc và các nhân viên kinh doanh của công ty có kèm bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề (không kể nhân viên kế toán, văn thư hành chính, thủ quỹ);

f) Báo cáo tài chính trong 2 năm gần nhất của các bên là pháp nhân góp từ 10% vốn điều lệ của công ty trở lên đối với công ty chứng khoán không xin cấp phép hoạt động tự doanh, từ 5% vốn điều lệ của công ty trở lên đối với công ty chứng khoán xin cấp phép hoạt động tự doanh.

**4. Bãi bỏ điểm c khoản 3 và sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:**

1. Công ty chứng khoán được thành lập sau khi hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi và sáp nhập

công ty phải xin cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

#### **5. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:**

1. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan, công ty chứng khoán phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện các công việc sau:

- Chuyển trụ sở chính, trụ sở chi nhánh;
- Thay đổi, bổ sung nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh;
- Đổi tên công ty, sửa đổi bổ sung điều lệ, thay đổi mức vốn điều lệ.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của công ty về các thay đổi trên và các tài liệu có liên quan kèm theo, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trong trường hợp không chấp thuận, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải giải thích rõ lý do.

#### **6. Thay Điều 9 bằng Điều 9 mới như sau:**

1. Công ty chứng khoán muốn lập, đóng chi nhánh, ngoài việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan, phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Hồ sơ xin lập chi nhánh gồm có:

- a) Đơn xin phép lập chi nhánh;
- b) Phương án hoạt động của chi nhánh trong năm đầu lập chi nhánh;
- c) Họ và tên giám đốc chi nhánh và danh sách nhân viên tại chi nhánh.

3. Hồ sơ xin đóng cửa chi nhánh gồm có:

- a) Đơn xin phép đóng cửa chi nhánh;
- b) Giải trình lý do đóng cửa chi nhánh.

4. Thời hạn chấp thuận lập, đóng cửa chi nhánh công ty chứng khoán tối đa là 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin phép.

5. Công ty chứng khoán được lập các phòng giao dịch chứng khoán tại tỉnh, thành phố có trụ sở chính hoặc chi nhánh đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật và/hoặc lựa chọn một số pháp nhân làm đại lý nhận lệnh cho công ty tại các tỉnh, thành phố nơi công ty không có trụ sở chính hoặc chưa có chi nhánh.

6. Phòng giao dịch của công ty chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều này được phép thực hiện việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán, nhận tiền ký quỹ và chứng khoán lưu ký, nhận và truyền lệnh về trụ sở chính/chi nhánh nơi phòng giao dịch trực thuộc. Phòng giao dịch phải đáp ứng các yêu cầu:

- a) Có tối thiểu 1 nhân viên có giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán;
- b) Có thiết bị công bố thông tin;
- c) Có cơ sở vật chất tối thiểu để tạm quản lý tiền và chứng khoán trước khi chuyển về trụ sở chính/chi nhánh của công ty.

7. Đại lý nhận lệnh theo quy định tại khoản 5 Điều này được tiến hành nhận, sơ kiểm và truyền lệnh về trụ sở chính/chi nhánh công ty chứng khoán theo hợp đồng cam kết với công ty chứng khoán. Đại lý nhận lệnh không được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng, không được nhận tiền ký quỹ cũng như chứng khoán lưu ký của khách hàng và không được tiến hành bất kỳ hoạt động tư vấn nào với khách hàng. Đại lý nhận lệnh phải đáp ứng các yêu cầu:

- a) Có thiết bị công bố thông tin về giao dịch cho khách hàng;
- b) Nhân viên nhận lệnh và người có thẩm quyền sơ kiểm lệnh của đại lý phải có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Các công ty chứng khoán phải chịu trách nhiệm về việc lựa chọn đại lý nhận lệnh và hoạt động của đại lý nhận lệnh, đồng thời phải gửi văn bản thông báo địa điểm mở, danh sách những người có thẩm quyền sơ kiểm lệnh kèm theo lý lịch và số chứng minh thư và danh sách các nhân viên nhận lệnh tại các phòng giao dịch và các tổ

chức nhận làm đại lý nhận lệnh của công ty tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi khai trương hoạt động của các phòng giao dịch/ đại lý nhận lệnh.

**7. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau:**

2. Chuyển toàn bộ số vốn điều lệ hoặc phần vốn điều lệ góp bổ sung vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng chỉ định thanh toán. Số tiền này chỉ được giải tỏa sau khi công ty chính thức nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc sau khi công ty nhận được văn bản chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**8. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 11 như sau:**

d) Số, ngày cấp và thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán.

**9. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:**

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty chứng khoán phải niêm yết:

a) Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, danh sách những người làm đại diện công ty tại trụ sở chính công ty;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, bản sao hợp lệ quyết định chấp thuận việc lập chi nhánh tại trụ sở các chi nhánh của công ty.

**10. Bãi bỏ khoản 5 Điều 11.**

**11. Thay Điều 12 bằng Điều 12 mới như sau:**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét cấp Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán cho:

a) Các cá nhân theo đề nghị của công ty chứng khoán;

b) Người quản lý công ty theo đề nghị của người đại diện thành viên sáng lập, người đại diện cổ đông sáng lập, chủ sở hữu công ty chứng khoán.

2. Công dân Việt Nam được cấp Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đã bị kết án về các tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, xâm phạm tài sản của tổ chức và của công dân;

- Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án;

c) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;

d) Có đủ các chứng chỉ chuyên môn về kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

e) Đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra sát hạch do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

3. Công dân nước ngoài được cấp Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 2.a, 2.b Điều này;

b) Có giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài cấp;

c) Có chứng chỉ về luật áp dụng trong ngành chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp;

d) Được phép cư trú và lao động tại Việt Nam.

**12. Thay Điều 13 bằng Điều 13 mới như sau:**

Hồ sơ xin cấp giấy phép hành nghề cho công dân Việt Nam gồm:

1. Đơn xin cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán;

2. Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng thực trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn quy định tại khoản 2.c, 2.d Điều 12;

3. Lý lịch có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét cấp giấy phép hành nghề

đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2.b Điều 12;

4. Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm người hành nghề vào làm việc tại công ty chứng khoán;

5. Nhận xét của cơ quan nơi người được xét cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán công tác trước đây (nếu có).

**13. Thay Điều 14 bằng Điều 14 mới như sau:**

Hồ sơ xin cấp giấy phép hành nghề cho công dân nước ngoài gồm:

1. Đơn xin cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán;

2. Bản sao hộ chiếu, bản sao hợp lệ giấy phép cư trú tại Việt Nam;

3. Bản sao hợp lệ giấy phép lao động cho người nước ngoài do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam cấp;

4. Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng thực trình độ chuyên môn quy định tại khoản 3.b, 3.c Điều 12;

5. Nhận xét của cơ quan nơi người được xét cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán công tác trước đây (nếu có).

**14. Thay Điều 15 bằng Điều 15 mới như sau:**

Công ty chứng khoán, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu công ty chứng khoán phải nộp lệ phí cấp giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán cho nhân viên, người quản lý công ty theo mức do pháp luật quy định.

**15. Bổ sung khoản 3, 4, 5, 6 Điều 16 như sau:**

3. Giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán chỉ có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép hành nghề có thể được gia hạn, thời gian mỗi lần gia hạn là 3 năm.

4. Trước khi hết hạn giấy phép hành nghề 1 tháng, công ty chứng khoán phải gửi đơn xin gia hạn giấy phép hành nghề cho nhân viên của công ty cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức kiểm tra sát hạch

đối với nhân viên của công ty. Sau khi kiểm tra sát hạch, nếu cá nhân đạt yêu cầu kiểm tra, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện gia hạn giấy phép hành nghề cho cá nhân.

5. Trong trường hợp người hành nghề chuyển sang làm việc cho một công ty chứng khoán khác, công ty này phải làm thủ tục xin đổi lại giấy phép hành nghề cho cá nhân đó.

6. Trường hợp giấy phép hành nghề chưa hết hạn, cá nhân được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét đổi lại giấy phép hành nghề không phải tham gia kiểm tra sát hạch. Giấy phép được đổi lại chỉ có giá trị trong thời hạn còn lại của giấy phép cũ.

**16. Bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 17 như sau:**

4. Mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán nơi người hành nghề làm việc.

5. Đưa, yêu cầu hay nhận bất cứ khoản thù lao nào trái với nghĩa vụ của mình trong hoạt động hành nghề chứng khoán.

6. Thực hiện hoặc cấu kết với khách hàng trong việc đặt, nâng, hạ giá chứng khoán nhằm gây biến động giá.

**17. Bổ sung khoản 8, 9, 10 Điều 20 như sau:**

8. Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực và kịp thời cho khách hàng.

9. Đảm bảo tách biệt giữa các hoạt động kinh doanh của tổ chức chủ sở hữu công ty chứng khoán với hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán; đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa công ty, nhân viên của công ty và các tổ chức liên quan của công ty với khách hàng và giữa các khách hàng của công ty với nhau.

10. Công ty chứng khoán phải đảm bảo tách biệt giữa hoạt động môi giới cho khách hàng và hoạt động tự doanh của chính công ty, tách biệt giữa hoạt động tự doanh của chính công ty và hoạt động quản lý danh mục đầu tư.

**18. Thay Điều 21 bằng Điều 21 mới như sau:**

1. Việc mở và quản lý tài khoản của khách

hàng phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa công ty chứng khoán và khách hàng. Ngoài các nội dung do hai bên thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật, hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán giữa công ty chứng khoán và khách hàng phải bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Quyết định này(\*).

2. Công ty chứng khoán phải quản lý tài sản chứng khoán của khách hàng tách biệt với tài sản chứng khoán của công ty.

3. Công ty chứng khoán được quyền lựa chọn ngân hàng thanh toán và gửi thông báo bằng văn bản về ngân hàng thanh toán đó tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty chứng khoán phải chuyển toàn bộ số tiền ký quỹ đặt mua chứng khoán của khách hàng vào tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán do công ty mở tại ngân hàng thanh toán và chỉ được lưu giữ tiền của người đầu tư tại tài khoản đã mở tại ngân hàng này.

4. Công ty chứng khoán không được tiết lộ các thông tin về tài khoản của khách hàng nếu chưa được khách hàng đồng ý bằng văn bản. Quy định này không áp dụng trong trường hợp những thông tin này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán hoặc yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Công ty chứng khoán được làm đại lý phân phối chứng khoán niêm yết và không niêm yết cho các tổ chức phát hành, trừ trái phiếu Chính phủ thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính.

6. Công ty chứng khoán phải ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi thực hiện việc quản lý danh mục đầu tư do khách hàng ủy thác. Ngoài các nội dung do hai bên thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa công ty chứng khoán và khách hàng phải bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại Phụ lục 10 kèm theo Quyết định này(\*).

7. Công ty chứng khoán phải mở tài khoản đứng tên công ty cho khách hàng ủy thác đầu tư tại một ngân hàng do hai bên thỏa thuận và chỉ được sử dụng tiền trong tài khoản theo đúng những quy định trong hợp đồng quản lý danh mục đầu tư mà công ty đã ký kết với khách hàng hoặc theo chỉ thị bằng văn bản của khách hàng.

8. Công ty chứng khoán phải thông báo ngay cho khách hàng trong trường hợp có biến động bất thường về giá cả chứng khoán trong danh mục đầu tư của khách hàng và lập các báo cáo định kỳ liên quan tới việc đầu tư cho từng khách hàng.

### **19. Sửa đổi khoản 1, 3 và bổ sung khoản 5 Điều 23 như sau:**

1. Sử dụng quá 50% vốn điều lệ để mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định (đối với công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động tự doanh); sử dụng quá 75% vốn điều lệ để mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định (đối với công ty chứng khoán không được cấp phép hoạt động tự doanh);

3. Đầu tư vượt quá mức 15% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một công ty không niêm yết hoặc góp vốn vượt quá 15% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn;

5. Đầu tư vào cổ phiếu của công ty mẹ;

### **20. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 24 như sau:**

a) Vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 23 thì phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc kể từ ngày vượt mức quy định và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết (tăng vốn điều lệ hoặc bán tài sản) để tuân thủ hạn mức trong thời hạn tối đa là 3 tháng.

### **21. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 28 như sau:**

a) Báo cáo tình hình hoạt động năm, những thay đổi trong cơ cấu sở hữu của công ty chứng khoán hoặc cơ cấu sở hữu của tổ chức chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán một thành viên nếu tổ chức chủ sở hữu là công ty cổ phần và những quyết định quan trọng về tổ chức và hoạt động trong năm.

**22. Bổ sung khoản 6 Điều 28 như sau:****6. Báo cáo hàng tháng:**

Hàng tháng, công ty chứng khoán phải lập báo cáo về vốn khả dụng và báo cáo tình hình hoạt động trong tháng thành 2 bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán) và Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 5 ngày đầu của tháng tiếp theo.

**23. Bổ sung đoạn cuối Điều 29 như sau:**

Ngoài các trường hợp báo cáo đột xuất nêu trên, trong những trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của người đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể yêu cầu công ty chứng khoán báo cáo bằng văn bản các thông tin về tổ chức và hoạt động của công ty.

**24. Sửa đổi Điều 34 như sau:**

Ngoài các quy định trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan, việc giải thể công ty chứng khoán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.

**25. Hủy các Phụ lục số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ban hành kèm theo Quyết định số 04/1998/QĐ-UBCK3 ngày 13/10/1998 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và ban hành kèm theo Quyết định này các Phụ lục số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11(\*).**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán, thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Trung tâm giao dịch chứng khoán, các công ty chứng khoán và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

NGUYỄN ĐỨC QUANG

**QUYẾT ĐỊNH số 79/2000/QĐ-UBCK ngày 29/12/2000 về việc ban hành Quy chế Thành viên, niêm yết, công bố thông tin và giao dịch chứng khoán.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm giao dịch chứng khoán;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường chứng khoán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thành viên, niêm yết, công bố thông tin và giao dịch chứng khoán.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/1999/QĐ-UBCK1 ngày 27 tháng 3 năm 1999 và Quyết định số 42/2000/QĐ-UBCK1 ngày 12 tháng 6 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường, Giám đốc Trung tâm giao dịch